Ｎｏ．５１１（表面）　　ベトナム語

就学援助申請書　（兼 口座振替依頼書）

ĐƠN XIN HỖ TRỢ HỌC TẬP (KÈM GIẤY YÊU CẦU CHUYỂN KHOẢN NGÂN HÀNG　年 Năm　月 tháng　日 ngày

豊田市教育長・豊田市会計管理者・学校長　様

学校名 Tên	豊田市立　　学校

〔Hãy ghi vào ô〕

フリガナ

申請者(保護者)　㊞ Đóng dấu

※申請者本人署名又は記名押印 Người làm đơn ký tên hoặc đóng dấu

連絡先電話番号 Số ĐT　　－　　－

〒　　－

住所 Địa chỉ

豊田市

持家 Nhà riêng（家族所有含）　借家Nhà thuê・間Nhà trọ・寮Ký túc xá

児童・生徒 Học sinh	学年Lớp	氏　名 Họ và tên	生年月日Ngày tháng năm sinh	学年Lớp	氏　名 Họ và tên	生年月日Ngày tháng năm sinh
	年	フリガナ 氏名	年　月　日 (個人コード　　)	年	フリガナ 氏名	年　月　日 (個人コード　　)
	年	フリガナ 氏名	年　月　日 (個人コード　　)	年	フリガナ 氏名	年　月　日 (個人コード Số cá nhân

同意事項 Mục cam kết　申請者世帯員 Toàn bộ thành viên

Tôi xin đăng ký hỗ trợ học tập với lý do bên dưới. Tôi đồng ý cho phép hội ủy viên giáo dục thành phố Toyota xem những giấy tờ chứng minh về thuế thị dân, tình trạng nhận hỗ trợ giáo dục dựa theo luật bảo trợ sinh hoạt, thông tin của tất cả các thành viên trong gia đình cũng như người
làm đơn ghi trong sổ hộ tịch để xét xin hỗ trợ học tập.

Về việc cấp tiền hỗ trợ giáo dục nếu được xét nhận hỗ trợ , ngoại trừ trường hợp có lý do đặc biệt , xin hãy chuyển vào tài khoản ghi

※【Trường hợp không xác nhận thu nhập tại thành phố Toyota do chuyển nhà, hãy nộp kèm giấy chứng nhận thu nhập lấy tại ủy ban thành phố trước khi chuyển đến. 】

申請理由 Lý do

該当する番号に〇をつけてください。Khoanh tròn lý do

１ 生活保護の認定を受けている。Nhận bảo trợ sinh hoạt

２ 生活保護が停止又は廃止された。Ngừng nhận hoặc bị hủy bảo trợ sinh hoạt

３ 経済的に困窮している Khó khăn về kinh tế

（右欄を記入 Ghi vào ô bên cạnh）

（Tùy theo trường hợp có thể nộp kèm giấy chứng nhận)

〔具体的理由記入欄 Phần ghi lý do cụ thể（申請理由３の場合は記入 Ghi khi chọn mục 3）

同一生計の世帯状況 Thành phần gia đình ※同棟は同一生計とする Cùng nhà

（上記児童生徒を除く同棟居住者全員）Ngoài trừ học sinh nhà ở gia đình

氏　名 Họ và tên/Ký tên Hãy ký tên hoặc đóng dấu sau khi xác nhận các mục đồng ý ủy quyền. ※ Có thể viết thay	続柄 Quan hệ	生年月日 Ngày tháng năm sinh	職業(学校・学年) Nghề nghiệp (Trường・lớp)	備　考 Tham khảo
フリガナ 氏名 ㊞	〔申請者〕Người làm đơn	Năm tháng ngày 年 月 日		
フリガナ 氏名 ㊞		Năm tháng ngày 年 月 日		
フリガナ 氏名 ㊞		Năm tháng ngày 年 月 日		
フリガナ 氏名 ㊞		Năm tháng ngày 年 月 日		
フリガナ 氏名 ㊞		Năm tháng ngày 年 月 日		
フリガナ 氏名 ㊞		Năm tháng ngày 年 月 日		

Tôi đồng ý sẽ lấy phần tiền hỗ trợ này khấu trừ vào các khoản tiền chưa đóng tại trường học.

年Năm　　月tháng　　日ngày

申請者（保護者）氏名 Họ và tên người làm đơn　㊞

※Người làm đơn ký tên hoặc đóng dấu

Ｎｏ．５１１（裏面）

〔学校徴収金と同じ口座が望ましい Ghi tài khoản giống tài khoản ghi trong trường〕

振込先口座 Tài khoản	銀行Ngân hàng 本店Chi nhánh chính 信用金庫 Shinyo kinkou 農協 Noukyou・労働金庫Roudoukinkou 支店Chi nhánh	普通 Thông thường	口座番号 Số tài khoản
	口座名義カナ（申請者名義に限る）Tên tài khoản (là tài khoản người làm đơn)	フリガナ Phiên âm đọc	

☐ 新規申請 ‥‥▸ 振込口座確認票（様式№515）添付
☐ 口座変更あり ‥‥▸ 振込口座確認票（様式№515）添付
☐ 口座変更なし

世帯についての民生委員・児童委員の所見（必要な場合のみ記入）

年　月　日　民生委員・児童委員氏名

【学校記入欄】

就学援助申請書を受理したので、提出します。

年　月　日

豊田市立　学校長

※学校長意見記入欄（参考意見があれば記入）

【教育委員会記入欄】

認　定	認定日 要・準 年　月　日	変更後 要・準 年　月　日	廃　止 年　月　日	却下
判定区分	認定理由	入力日		

Ｎｏ．５１１（表面）

保護者用記入

就 学 援 助 申 請 書　（兼 口座振替依頼書）

Ngày nộp cho trường → ○○年○月○日

豊田市教育長・豊田市会計管理者・学校長　様

Tên người làm đơn giống như tên tài khoản ngân hàng
※Người làm đơn ký tên hoặc đóng dấu
Nếu người làm đơn không ký tên thì phải đóng dấu. Nếu người làm đơn ký tên thì không cần đóng dấu.

学校名	豊田市立　○　○　小　学校

〔ください。〕

フリガナ　トヨタ　イチコ
申請者（保護者）
署名 Tên　豊 田　市 子　㊞ Đóng dấu
※申請者本人署名又は記名押印 Người làm đơn ký tên hoặc đóng dấu

〒
住所
豊田市

連絡先電話番号　080　－1234　－5678

Hãy ghi năm học mới vào ô ghi thông tin nhi đồng･học sinh , phần của anh chị em cũng ghi như vậy. Đơn này cũng là đơn đăng ký tiếp tục nhận hỗ trợ.
Hãy nộp riêng đơn xin của học sinh tiểu học và học sinh cấp 2.

児童・生徒	学年	氏　名	生年月日	学	氏名	年　月　日
	１年	ﾌﾘｶﾞﾅ　トヨタ　イチロウ 豊　田　一　郎	平成 ２９年　４月　３日 （個人ｺｰﾄﾞ　）			
	４年	ﾌﾘｶﾞﾅ　トヨタ　フミコ 豊　田　史　子	平成 ２６年　８月　８日 （個人ｺｰﾄﾞ　）	年		年　月　日 （個人ｺｰﾄﾞ　）

申請者世帯員同意委任事項

次の理由により就学援助を申請します。なお、就学援助の認定に必要となる申請者及び世帯員の住民基本台帳情報、生活保護法に基づく教育扶助の受給状況、市民税の課税状況に係る証明を豊田市教育委員会が閲覧することに同意します。

認定を受けた場合の就学援助費[illegible]段の事情がある場合を除いて指定する裏面口座に振り込みをしてください。なお、認[illegible]学援助費の請求・受領及び返納に関する権限を在籍学校長に委任します。

※【転入等により豊田市[illegible]確認ができない場合は、転入前の住所地の市町村役場で発行する所得証明書を添付】

Nhà trường ghi

cùng 1 người

申請理由

該当する番号に○をつけてください。

1　生活保護の認定を受けている。

2　生活保護が停止又は廃止された。

3　経済的に困窮している。（右欄を記入）

（場合によっては証明書類を添付）

〔具体的理由記入欄〕（申請理由３の場合は記入）

・母子家庭で収入が少なく、生活が苦しい。Mẹ đơn thân thu nhập thấp nên sống khó khăn

・父親が○○年○○月○○日に解雇になり、現在は母親のアルバイト収入のみ。給食費等の納入が困難になった。

・父親が病気になり、母親が○○年○○月○○日に退職して介護をすることになったため、収入が激減してしまい経済的に大変苦しい。

など、できるだけ具体的に記入する。Cố gắng viết thật cụ thể

〔Nộp bảng lương 3 tháng gần nhất trước khi nghỉ việc〕

同一生計の世帯状況（上記児童生徒を除く同棟居住者全員）※同棟は同一生計とする

氏　名 Họ và tên/Ký tên Hãy ký tên hoặc đóng dấu sau khi xác nhận các mục đồng ý ủy quyền. ※ Có thể viết thay	続柄 Quan hệ	生年月日 Ngày tháng năm sinh	職業(学校・学年) Nghề nghiệp (Trường・lớp)	備　考 Tham khảo
ﾌﾘｶﾞﾅ　トヨタ　イチコ 氏名　豊 田　市 子　㊞	〔申請者〕 母	昭和 ５４年　６月３０日	パート	
ﾌﾘｶﾞﾅ　コロモ　タロウ 氏名　挙 母　太　郎　㊞	[illegible]	昭和 [illegible]	[illegible] アルバイト	
ﾌﾘｶﾞﾅ　トヨタ　ハナコ 氏名　豊 田　花 子　㊞			無職	
ﾌﾘｶﾞﾅ　トヨタ　カズコ 氏名　豊 田　一 子　㊞	姉	平成 ２０年　５月　７日	○○中学校　□年	
ﾌﾘｶﾞﾅ　コロモ　マチヒコ 氏名　挙 母　町　彦　挙母	叔父	昭和 ６０年　８月　７日	会社員	代筆 豊田　市子
ﾌﾘｶﾞﾅ 氏名　㊞		年　月　日		

Hãy xin chữ ký của toàn bộ người sống cùng trong hộ gia đình. (ông, bà, cô, chú, người sống cùng)

Học sinh thì ghi năm học của năm sau

Trường hợp không thể nhận chữ ký của người làm đơn, hãy ghi thay bằng tên của người xác nhận đồng ý ủy quyền hoặc đóng dấu bên cạnh tên người làm đơn.

学校徴収金の未納がある場合は、教育委員会が援助費を受領し、[illegible]承諾します。

○○年○月　○日

Ghi cùng ngày với ngày làm đơn

申請者（保護者）氏名 Họ và tên người làm đơn　豊 田　市 子　㊞
※ Người làm đơn ký tên hoặc đóng dấu

Ｎｏ．５１１（裏面）

〔学校徴収金と同じ口座が望ましい〕

振込先口座	●□● 銀行 信用金庫 農協・労働金庫 ▲▲ 本店 支店	普通	口座番号 １２３４５６７
	口座名義カナ（申請者名義に限る）	フリガナ トヨタ　イチコ	

□　新規・新１年 ‥‥▸ 振込口座確認票（様式№515）添付
□　口座変更あり ‥‥▸ 振込口座確認票（様式№515）添付
□　口座変更なし

Hãy ghi giống tên của người làm đơn ở mặt ngoài cùng.

世帯についての民生委員・児童委員の所見（必要な場合のみ記入）

年　　月　　日　　民生委員・児童委員氏名

Phần bên dưới sẽ do nhà trường hoặc hội ủy viên giáo dục ghi.

【学校記入欄】

就学援助申請書を受理したので、提出します。

年　　月　　日

豊田市立　　学校長

※学校長意見記入欄（参考意見があれば記入）

【教育委員会記入欄】

認　定	認定日 要・準 年　月　日	変更後 要・準 年　月　日	廃　止 年　月　日	却下
判定区分	認定理由	入力日		

GIẤY XÁC NHẬN TÀI KHOẢN CHUYỂN TIỀN

〔太枠内を記入してください。〕Hãy ghi vào trong ô .

学校名 Tên trường	申請者名 Tên người đăng ký		
学校Trường		学校記入欄	
児童生徒名 Tên học sinh	生年月日Ngày tháng năm sinh	個人コード	学校徴収金口座
	年Năm 月 tháng 日 ngày		同じ ・ 異なる
	年Năm 月 tháng 日 ngày		同じ ・ 異なる
	年Năm 月 tháng 日 ngày		同じ ・ 異なる
	年Năm 月 tháng 日 ngày		同じ ・ 異なる

就学援助振込先口座の通帳・キャッシュカード等の写しを貼り付けてください Hãy dán bản photo tài khoản ngân hàng ・photo thẻ ngân hàng nhận hỗ trợ học tập

Dán bằng hồのりづけ

No.515 振込口座確認票

GIẤY XÁC NHẬN TÀI KHOẢN CHUYỂN TIỀ

記入例

〔太枠内を記入してください。〕Hãy ghi vào trong ô.

学校名 Tên trường	申請者名 Tên người đăng ký
○○ 小 学校Trường tiểu học	豊田 市子Toyota Ichiko

学校記入欄

児童生徒名 Tên học sinh	生年月日Ngày tháng năm sinh	個人コード	学校徴収金口座
豊田 史子 Toyota Fumiko	H22年 năm 8月tháng 8 日ngày		同じ ・ 異なる
豊田 一郎 Toyota Ichiro	H25年năm 4月 tháng 3 日ngày		同じ ・ 異なる
	年Năm 月 tháng 日 ngày		同じ ・ 異なる
	年Năm 月 tháng 日 ngày		同じ ・ 異なる
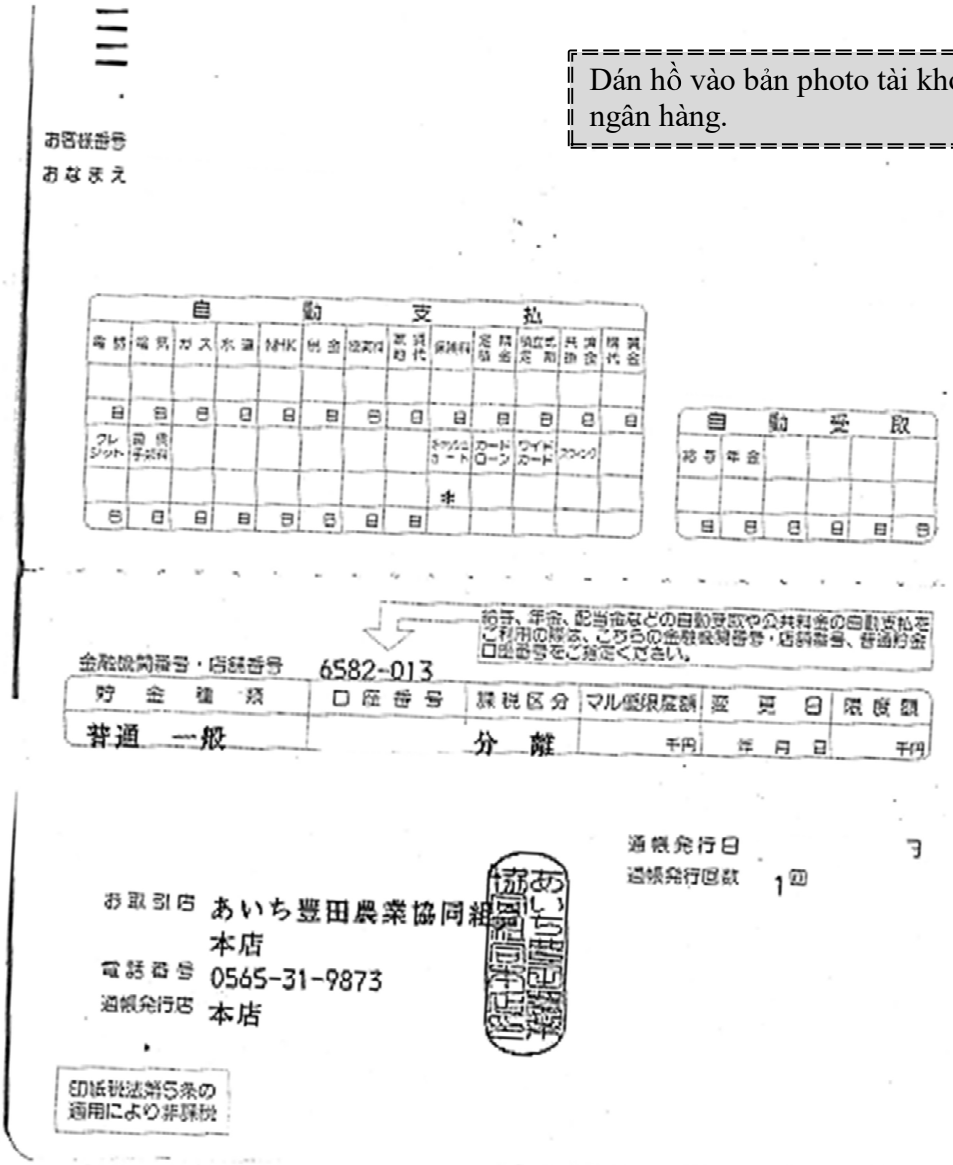
就学援助振込先口座の通帳・キャッシュカード等の写しを貼り付けてください Hãy dán bản photo tài khoản ngân hàng・photo thẻ ngân hàng nhận hỗ trợ học tập